

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2018
V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Long H, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: Ấp 14, xã KH, huyện UM, tỉnh CM (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1995

Địa chỉ cư trú: ấp 14, xã KH, huyện UM, tỉnh CM (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Long H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện U M, tỉnh CM. Trong thời gian chung sống vợ chồng không đồng thuận với nhau, thường xảy ra cự cãi, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, Anh H

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đã ly thân, Anh H yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Phú T, sinh ngày 27/9/2015, hiện nay do Anh H nuôi dưỡng, Anh H yêu cầu sau khi ly hôn, anh tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Long H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị Thảo N, địa chỉ cư trú ấp 14, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Thảo N được thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng chị N vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và mở phiên tòa xét xử sơ thẩm triệu tập chị N tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Long H và chị Nguyễn Thị Thảo N tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa Anh H và chị N là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa Anh H và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân nhau. Anh H yêu cầu ly hôn với chị N. Chị N được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng chị N vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đến yêu cầu của Anh H. Từ đó, cho thấy tình cảm giữa Anh H với chị N không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho Anh H và chị N ly hôn.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Long H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Phú T, xét thấy từ khi Anh H và chị N ly thân, cháu T do Anh H nuôi dưỡng, chị N cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của Anh H nên tiếp tục giao cháu T cho Anh H tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu T có

điều kiện phát triển bình thường, ổn định tâm lý và tình cảm. Chị Nguyễn Thị Thảo N có quyền thăm nom cháu T không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Long H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Long H xác định không có, chị Nguyễn Thị Thảo N cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Long H xác định không có, chị Nguyễn Thị Thảo N cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm anh Nguyễn Long H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Anh H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 18/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu. Chị Nguyễn Thị Thảo N không phải chịu án phí. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Long H với chị Nguyễn Thị Thảo N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phú T, sinh ngày 27/9/2015 choa anh Nguyễn Long H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thảo N có quyền thăm nom cháu T không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Long H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: không xem xét.
- Về nợ chung: không xem xét.
- Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm anh Nguyễn Long H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Anh H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 18/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu. Chị Nguyễn Thị Thảo N không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Phòng GD-KTNV TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã Khánh Hòa, huyện U Minh (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

